bộ nhất	bộ ất	以 dĩ	低 đê	値 trị
一 nhất	乙 ất	仕 sĩ	伯 bá	倒 đảo
丁 đinh	九 cửu	仙 tiên	伴 bạn	俳 bài
七 thất	乞 khất	他 tha	余 dư	倍 bội
丈 trượng	乱 loạn	代 đại	依 y	俵 biểu
三 tam	乳 nhũ	付 phó	価 giá	倣 phỏng
上 thượng	乾 can	令 lệnh	佳 giai	俸 bổng
下 hạ	bộ quyết	仮 giả	供 cung	倫 luân
万 vạn	了 liễu	会 hội	使 sử	偽 ngụy
与 dự	予 dự	企 xí	侍 thị	偶 ngẫu
不 bất	争 tranh	伎 kỹ	侮 vụ	側 trắc
丘 khâu	事 sự	休 hưu	併 tính	健 kiện
且 thả	bộ nhị	仰 ngưỡng	例 lệ	停 đình
世 thế	二 nhị	件 kiện	係 hệ	偵 trinh
丙 bính	五 ngũ	全 toàn	侯 hầu	偏 thiên
両 lưỡng	互 hỗ	仲 trọng	俊 tuấn	偉 vĩ
並 tịnh	井 tỉnh	伝 truyền	信 tín	傘 tản
bộ cổn	亜 á	任 nhiệm	侵 xâm	備 bị
中 trung	bộ đầu	伐 phạt	促 xúc	傍 bàng
串 xuyến	亡 vong	伏 phục	俗 tục	僅 cận
bộ phiệt	交 giao	位 vị	便 tiện	傾 khuynh
久 cửu	享 hưởng	何 hà	保 bảo	傑 kiệt
及 cập	京 kinh	佐 tá	侶 lữ	傲 ngạo
乏 phạp	亭 đình	作 tác	俺 yêm	債 trái
乗 thừa	bộ nhân	伺 tứ	倹 kiệm	催 thôi
bộ chủ	人 nhân	似 tự	個 cá	傷 thương
丸 hoàn	介 giới	住 trú	候 hậu	僧 tăng
丹 đan	今 kim	伸 thân	借 tá	働 động
主 chủ	仁 nhân	体 thể	修 tu	像 tượng
丼 tỉnh	仏 phật	但 đản	倉 thương	僕 bộc
N5 四級	N4 三級	N3	N2 二級	追加196

僚 liêu	内 nội	分 phân	力 lực	化 hóa
億 ức	冊 sách	刊 san	加 gia	北 bắc
儀 nghi	再 tái	刑 hình	功 công	bộ hệ
儒 nho	岡 cương	列 liệt	劣 liệt	匠 tượng
償 thường	bộ mịch	初 sơ	助 trợ	bộ phương
優 ưu	冗 nhũng	判 phán	努 nỗ	区 khu
bộ nhân đi	写 tả	別 biệt	励 lệ	匹 thất
元 nguyên	冠 quán	利 lợi	労 lao	医 y
兄 huynh	冥 minh	券 khoán	劾 hặc	匿 nặc
光 quang	bộ băng	刻 khắc	効 hiệu	bộ thập
充 sung	冬 đông	刷 loát	勅 sắc	十 thập
先 tiên	冶 dã	刹 sát	勃 bột	千 thiên
兆 triệu	冷 lãnh	刺 thích	勇 dũng	午 ngọ
克 khắc	准 chuẩn	制 chế	勉 miễn	升 thăng
児 nhi	凄 thê	到 đáo	勘 khám	半 bán
免 miễn	凍 đông	削 tước	動 động	協 hiệp
党 đảng	凝 ngưng	前 tiền	務 vụ	卒 tốt
bộ nhập	bộ kỷ	則 tắc	勤 cần	卓 trác
入 nhập	凡 phàm	帰 quy	勝 thắng	南 nam
bộ bát	処 xử	剣 kiếm	募 mộ	卑 ti
八 bát	bộ khảm	剛 cương	勧 khuyến	博 bác
公 công	凶 hung	剤 tế	勢 thế	bộ bốc
六 lục	凹 ao	剥 bác	勲 huân	占 chiếm
共 cộng	出 xuất	剖 phẫu	bộ bao	bộ tiết
兵 binh	凸 đột	剰 thặng	勺 chước	印 ấn
具 cụ	bộ đao	副 phó	勾 câu	危 nguy
典 điển	刀 đao	割 cát	匂 mùi	却 khước
兼 kiêm	刃 nhẫn	創 sáng	匁 chỉ	即 tức
bộ quynh	刈 ngải	劇 kịch	包 bao	卵 noãn
円 viên	切 thiết	bộ lực	bộ chủy	卸 tá
N5 四級	N4 三級	N3 2	N2 二級	追加196

阝	hán	各	các	品	phẩm	嚇	hách	基	cơ
厄	ách	吉	cát	員	viên	阝	vi	埼	kỳ
厚	hậu	吸	hấp	唆	toa	四	tứ	堀	quật
厘	ly	叫	khiếu	唇	thần	囚	tù	執	chấp
原	nguyên	向	hướng	哲	triết	因	nhân	堆	đôi
阝	hựu	告	cáo	唐	đường	回	hồi	堂	đường
又	hựu	吹	xúy	唄	bái	団	đoàn	培	bồi
双	song	呈	trình	哺	bộ	囲	vi	堪	kham
反	phản	否	phủ	喝	hát	困	khốn	堅	kiên
友	hữu	呂	lữ	啓	khải	図	đồ	場	trường
収	thu	吏	lại	商	thương	固	cố	堕	đọa
取	thủ	含	hàm	唱	xướng	国	quốc	塚	trũng
受	thụ	吟	ngâm	唾	thóa	圏	quyển	堤	đê
叔	thúc	君	quân	問	vấn	園	viên	塔	tháp
叙	tự	呉	ngô	唯	duy	阝	thổ	塀	biên
阝	khư	后	hậu	喚	hoán	土	thổ	報	báo
去	khứ	合	hợp	喜	hỉ	圧	áp	塁	lũy
参	tham	吐	thổ	喫	khiết	在	tại	塩	diêm
阝	khẩu	同	đồng	喉	hầu	地	địa	塊	khối
口	khẩu	名	danh	善	thiện	均	quân	塞	tắc
右	hữu	呼	hô	喪	tang	坑	khanh	塑	tố
可	khả	舎	xá	喻	dụ	坂	phản	塡	điền
句	cú	呪	chú	嗅	khứu	坊	phường	塗	đồ
古	cổ	周	chu	嗣	tự	垂	thùy	墓	mộ
台	đài	味	vị	嘆	thán	坪	bình	境	cảnh
司	ty	命	mệnh	器	khí	垣	viên	塾	thục
史	sử	和	hòa	嘱	chúc	型	hình	増	tăng
叱	sất	哀	ai	嘲	trào	城	thành	墨	mặc
召	triệu	咽	yết	噴	phún	埋	mai	墜	trụy
号	hiệu	咲	tiếu	舗	phổ	域	vực	墳	phần

N5 四級 N4 三級 N3 3 N2 二級 追加196

壊 hoại	奉 phụng	姫 cơ	完 hoàn	審 thẩm
墾 khẩn	奔 bôn	娯 ngu	宛 uyển	寮 liêu
壌 nhưỡng	契 khế	娘 nương	官 quan	bộ thốn
壇 đàn	奏 tấu	娠 thần	宜 nghi	寸 thốn
壁 bích	奥 áo	婚 hôn	実 thực	寺 tự
bộ sĩ	奨 tưởng	婆 bà	宗 tôn	寿 thọ
士 sĩ	奪 đoạt	婦 phụ	宙 trụ	対 đối
壮 tráng	奮 phấn	媛 viện	定 định	専 chuyên
壱 nhất	bộ nữ	婿 tế	宝 bảo	封 phong
声 thanh	女 nữ	媒 môi	客 khách	射 xạ
売 mại	奴 nô	嫁 giá	室 thất	将 tương
bộ truy	好 hảo	嫌 hiềm	宣 tuyên	尉 úy
変 biến	如 như	嫉 tật	宴 yến	尋 tầm
bộ truy	妃 phi	嫡 đích	家 gia	尊 tôn
夏 hạ	妄 vọng	嬢 nương	害 hại	導 đạo
bộ tịch	妥 thỏa	bộ tử	宮 cung	bộ tiểu
夕 tịch	妊 nhâm	子 tử	宰 tể	小 tiểu
外 ngoại	妨 phương	孔 khổng	宵 tiêu	少 thiểu
多 đa	妙 diệu	字 tự	容 dung	当 đương
夜 dạ	妖 yêu	存 tồn	寄 ký	尚 thượng
夢 mộng	委 ủy	孝 hiếu	寂 tịch	単 đơn
bộ đại	妻 thê	学 học	宿 túc	巣 sào
大 đại	始 thủy	季 quý	密 mật	営 doanh
太 thái	姉 tỷ	孤 cô	寒 hàn	厳 nghiêm
天 thiên	姓 tính	孫 tôn	富 phú	bộ uông
夫 phu	妬 đố	bộ miên	寛 khoan	就 tựu
央 ương	妹 muội	安 an	寝 tẩm	bộ thi
失 thất	威 uy	宇 vũ	寡 quả	尺 xích
奇 kỳ	姻 nhân	守 thủ	察 sát	尻 khảo
奈 nại	姿 tư	宅 trạch	寧 ninh	尼 ni
N5 四級	N4 三級	N3 4	N2 二級	追加196

尽 tận	bộ xuyên	bộ can	廷 đình	bộ sách
局 cục	川 xuyên	干 can	延 diên	役 dịch
尿 niệu	州 châu	平 bình	建 kiến	往 vãng
尾 vĩ	巡 tuần	年 niên	bộ củng	径 kính
届 giới	bộ công	幸 hạnh	弁 biện	征 chinh
居 cư	工 công	幹 cán	弄 lộng	彼 bỉ
屈 khuất	巨 cự	bộ yêu	弊 tệ	後 hậu
屋 ốc	巧 xảo	幻 ảo	bộ dặc	待 đãi
展 triển	左 tả	幼 ấu	式 thức	律 luật
属 thuộc	差 sai	幽 u	弐 nhị	従 tòng
層 tằng	bộ kỷ	幾 kỷ	bộ cung	徐 từ
履 lý	己 kỷ	bộ nghiễm	弓 cung	徒 đồ
bộ triệt	巻 quyển	広 quảng	引 dẫn	得 đắc
屯 đồn	bộ cân	庁 sảnh	弔 điếu	御 ngự
bộ sơn	巾 cân	序 tự	弟 đệ	循 tuần
山 sơn	市 thị	床 sàng	弦 huyền	復 phục
岐 kỳ	布 bố	底 để	弥 di	微 vi
岳 nhạc	帝 đế	店 điếm	弧 hồ	徴 trưng
岸 ngạn	師 sư	府 phủ	弱 nhược	徳 đức
岩 nham	席 tịch	度 độ	強 cường	徹 triệt
崖 nhai	帯 đới	庸 dung	張 trương	bộ tâm
崎 kỳ	常 thường	廃 phế	弾 đạn	心 tâm
崇 sùng	帆 phàm	廊 lang	bộ ký	必 tất
崩 băng	希 hy	廉 liêm	彙 vựng	応 ứng
嵐 lam	帥 súy	庶 thứ	bộ sam	忌 kỵ
岬 giáp	帳 trướng	庫 khố	形 hình	志 chí
峡 hạp	幅 phúc	座 tọa	彩 thái	忍 nhẫn
峠 đèo	帽 mạo	庭 đình	彫 điêu	忘 vong
島 đảo	幕 mạc	康 khang	彰 chương	忙 mang
峰 phong	幣 tệ	bộ dẫn	影 ảnh	快 khoái
N5 四級	N4 三級	N3	N2 二級	追加196

思	tư	惜	tích	憤	phẫn	承	thừa	拳	quyền
性	tính	悼	điệu	憶	ức	抄	sao	拷	khảo
怠	đãi	悲	bi	懐	hoài	折	chiết	拶	tạt
怒	nộ	惑	hoặc	憾	hám	択	trạch	指	chỉ
怖	bố	愛	ái	懇	khẩn	投	đầu	持	trì
忠	trung	意	ý	懲	trừng	把	bả	拾	thập
念	niệm	感	cảm	懸	huyền	抜	bạt	拭	thức
怨	oán	愚	ngu	阝	qua	批	phê	挑	khiêu
怪	quái	慌	hoảng	成	thành	扶	phù	挨	ai
急	cấp	慈	từ	我	ngã	抑	ức	挟	hiệp
恩	ân	愁	sầu	戒	giới	押	áp	挫	tỏa
悔	hối	想	tưởng	戚	thích	拐	quải	振	chấn
恐	khủng	惰	nọa	戦	chiến	拡	khuếch	捜	sưu
恭	cung	愉	du	戯	hí	拒	cự	挿	tháp
恵	huệ	慨	khái	戴	đãi	拠	cứ	捉	tróc
恒	hằng	慎	thận	阝	hộ	拘	câu	捗	bước
恨	hận	態	thái	戸	hộ	招	chiêu	捕	bộ
恣	tứ	慕	mộ	戻	lệ	拙	chuyết	据	cư
息	tức	慄	lật	所	sở	拓	thác	掘	quật
恥	sỉ	慰	ủy	房	phòng	担	đảm	掛	quải
恋	luyến	慣	quán	扇	phiến	抽	trừu	掲	yết
悪	ác	慶	khánh	扉	phi	抵	đề	控	khống
悦	duyệt	憎	tăng	阝	thủ	拝	bái	採	thái
患	hoạn	慢	mạn	才	tài	拍	phách	捨	xả
悟	ngộ	憂	ưu	手	thủ	披	phi	授	thụ
悩	não	慮	lự	打	đả	抱	bão	掌	chưởng
悠	du	憩	khế	払	phất	抹	mạt	推	suy
惧	cụ	憬	cảnh	扱	tráp	拉	lạp	接	tiếp
惨	thảm	憲	hiến	技	kỹ	括	quát	措	thố
情	tình	憧	xung	抗	kháng	挙	cử	掃	tảo
N5 四級		N4 三級		N3	6	N2 二級		追加196	

探 thám	bộ phọc	bộ phương	時 thời	朕 trẫm
捻 niệm	改 cải	方 phương	暁 hiểu	朗 lãng
排 bài	攻 công	施 thi	景 cảnh	望 vọng
描 miêu	放 phóng	旅 lữ	暑 thử	期 kỳ
握 ác	故 cố	旋 toàn	晶 tinh	朝 triều
援 viện	政 chính	族 tộc	晴 tình	bộ mộc
換 hoán	敏 mẫn	旗 kỳ	晩 vãn	木 mộc
揮 huy	救 cứu	bộ chi	普 phổ	札 trát
提 đề	教 giáo	支 chi	暗 ám	本 bản
搭 đáp	敗 bại	bộ nhật	暇 hạ	末 mạt
揚 dương	敢 cảm	日 nhật	暖 noãn	未 vị
揺 dao	敬 kính	旧 cựu	暮 mộ	机 kỷ
携 huề	散 tản	旦 đán	暦 lịch	朽 hủ
搾 trá	数 số	旨 chỉ	暫 tạm	朱 chu
摂 nhiếp	敵 địch	旬 tuần	暴 bạo	朴 phác
損 tổn	敷 phu	早 tảo	曇 đàm	来 lai
搬 ban	整 chỉnh	易 dịch	曖 ái	果 quả
撃 kích	bộ văn	旺 vượng	曜 diệu	枝 chi
摯 chí	文 văn	昆 côn	bộ viết	松 tùng
摘 trích	斑 ban	昇 thăng	曲 khúc	枢 khu
摩 ma	bộ đẩu	昔 tích	更 canh	材 tài
撮 toát	斗 đẩu	明 minh	書 thư	杉 sam
撤 triệt	料 liệu	映 ánh	曹 tào	条 điều
撲 phác	斜 tà	昨 tạc	最 tối	束 thúc
操 thao	bộ cân	春 xuân	曽 tăng	村 thôn
擁 ủng	斤 cân	昭 chiêu	替 thế	析 tích
擬 nghĩ	斥 xích	是 thị	bộ nguyệt	枕 chẩm
擦 sát	斬 trảm	星 tinh	月 nguyệt	東 đông
bộ vô	断 đoạn	昼 trú	有 hữu	杯 bôi
既 ký	新 tân	昧 muội	服 phục	柿 thị
N5 四級	N4 三級	N3 7	N2 二級	追加196

板 bản	械 giới	欄 lan	bộ vô	沖 trùng
枚 mai	梗 ngạnh	bộ khiếm	母 mẫu	沈 trầm
林 lâm	梨 lê	欠 khuyết	毎 mỗi	没 một
枠 khung	椅 kỳ	次 thứ	毒 độc	沃 ốc
栄 vinh	棺 quan	欧 âu	bộ tỷ	泳 vĩnh
架 giá	棋 kỳ	欲 dục	比 tỷ	沿 duyên
枯 khô	検 kiểm	款 khoản	bộ mao	河 hà
査 tra	植 thực	欺 khi	毛 mao	泣 khấp
柵 sách	森 sâm	歌 ca	bộ thị	況 huống
柔 nhu	椎 chuy	歓 hoan	氏 thị	治 trị
染 nhiễm	棟 đống	bộ chỉ	民 dân	沼 chiểu
柱 trụ	棚 bằng	止 chỉ	bộ khí	泉 tuyền
柄 bính	棒 bổng	正 chính	気 khí	泰 thái
某 mỗ	楷 khải	武 vũ	bộ thủy	注 chú
柳 liễu	楽 lạc	歩 bộ	水 thủy	泥 nê
栃 giẻ	棄 khí	歳 tuế	永 vĩnh	波 ba
案 án	業 nghiệp	歴 lịch	氷 băng	泊 bạc
桜 anh	極 cực	bộ ngạt	求 cầu	泌 tiết
格 cách	楼 lâu	死 tử	汁 chấp	沸 phí
核 hạch	概 khái	残 tàn	氾 phiếm	法 pháp
校 hiệu	構 cấu	殊 thù	汚 ô	泡 bào
桁 hành	模 mô	殉 tuẫn	汗 hãn	油 du
根 căn	様 dạng	殖 thực	江 giang	海 hải
栽 tài	横 hoành	bộ thù	池 trì	活 hoạt
桟 sạn	権 quyền	殴 ẩu	汎 phiếm	洪 hồng
株 chu	槽 tào	段 đoạn	汽 khí	浄 tịnh
栓 xuyên	標 tiêu	殺 sát	決 quyết	津 tân
桑 tang	機 cơ	殻 xác	沙 sa	浅 thiển
桃 đào	橋 kiều	毀 hủy	汰 thải	洗 tẩy
梅 mai	樹 thụ	殿 điện	沢 trạch	洞 động
N5 四級	N4 三級	N3	N2 二級	追加196

派 phái	漢 hán	潔 khiết	照 chiếu	bộ khuyển
洋 dương	源 nguyên	潤 nhuận	煎 tiễn	犬 khuyển
消 tiêu	溝 câu	潟 tích	煩 phiền	犯 phạm
浸 tẩm	準 chuẩn	潜 tiềm	熊 hùng	状 trạng
浜 tân	滞 trệ	澄 trừng	熟 thục	狂 cuồng
浪 lãng	湯 thang	潮 triều	熱 nhiệt	狙 thư
淫 dâm	満 mãn	激 khích	燃 nhiên	狭 hiệp
液 dịch	湧 dũng	濁 trọc	燥 táo	狩 thú
涯 nhai	湾 loan	濃 nồng	爆 bộc	独 độc
涙 lệ	滑 hoạt	濯 trạc	bộ trảo	猫 miêu
浮 phù	港 cảng	濫 lạm	爪 trảo	猛 mãnh
浦 phổ	滋 tư	瀬 lại	采 thái	猟 liệp
浴 dục	湿 thấp	bộ hỏa	爵 tước	献 hiến
流 lưu	測 trắc	火 hỏa	bộ nha	猶 do
渇 khát	渡 độ	灰 hôi	牙 nha	猿 viên
渓 khê	溺 nịch	灯 đăng	bộ hào	獄 ngục
混 hỗn	溶 dung	災 tai	爽 sảng	獣 thú
済 tế	滅 diệt	炎 viêm	bộ tường	獲 hoạch
渋 sáp	滝 lang	炊 xúy	bộ phiến	bộ huyền
淑 thục	演 diễn	炉 lô	片 phiến	玄 huyền
渉 thiệp	漁 ngư	為 vi	版 bản	率 suất
深 thâm	漬 tý	炭 than	bộ phụ	bộ ngọc
清 thanh	漆 tất	点 điểm	父 phụ	王 vương
淡 đạm	漸 tiệm	烈 liệt	bộ ngưu	玉 ngọc
添 thiêm	滴 trích	煮 chữ	牛 ngưu	玩 ngoạn
涼 lương	漠 mạc	焼 thiêu	牧 mục	珍 trân
温 ôn	漂 phiêu	焦 tiêu	物 vật	珠 châu
渦 oa	漫 mạn	然 nhiên	牲 sinh	班 ban
減 giảm	漏 lậu	無 vô	特 đặc	球 cầu
湖 hồ	潰 vị	煙 yên	犠 hy	現 hiện
N5 四級	N4 三級	N3 9	N2 二級	追加196

理 lý	畜 súc	登 đăng	眠 miên	磨 ma
琴 cầm	畔 bạn	bộ bạch	眼 nhãn	礁 tiều
瑠 lưu	畝 mẫu	白 bạch	眺 thiếu	礎 sở
璃 ly	留 lưu	百 bách	睡 thụy	bộ thị
環 hoàn	異 dị	的 đích	督 đốc	示 thị
壁 bích	略 lược	皆 giai	睦 mục	礼 lễ
璽 tỷ	畳 điệp	皇 hoàng	瞳 đồng	社 xã
bộ qua	番 phiên	bộ bì	瞭 liễu	祈 kỳ
bộ ngõa	畿 kỳ	皮 bì	瞬 thuấn	祉 chỉ
瓦 ngõa	bộ sơ	bộ mãnh	bộ mâu	祝 chúc
瓶 bình	疎 sơ	皿 mãnh	矛 mâu	神 thần
bộ cam	疑 nghi	盆 bồn	bộ thỉ	祖 tổ
甘 cam	bộ nạch	益 ích	矢 thỉ	祭 tế
甚 thậm	疫 dịch	盛 thịnh	知 tri	祥 tường
bộ sinh	疾 tật	盗 đạo	短 đoản	票 phiếu
生 sinh	症 chứng	盟 minh	矯 kiểu	禁 cấm
産 sản	疲 bì	監 giám	bộ thạch	禍 họa
bộ dụng	病 bệnh	盤 bàn	石 thạch	禅 thiền
用 dụng	痕 ngân	bộ mục	研 nghiên	福 phúc
bộ điền	痛 thống	目 mục	砂 sa	bộ nhựu
甲 giáp	痘 đậu	直 trực	砕 toái	bộ hòa
申 thân	痢 lị	盲 manh	破 phá	私 tư
田 điền	痴 si	看 khám	砲 pháo	秀 tú
由 do	瘍 dương	県 huyện	硬 ngạnh	科 khoa
男 nam	痩 sấu	盾 thuẫn	硝 tiêu	秋 thu
町 đinh	療 liệu	省 tỉnh	硫 lưu	秒 miễu
画 họa	癖 phích	相 tương	碁 kỳ	称 xưng
畏 úy	癒 dũ	眉 my	磁 từ	租 tô
界 giới	bộ bát	冒 mạo	碑 bi	秩 trật
畑 điền	発 phát	真 chân	確 xác	秘 bí
N5 四級	N4 三級	N3 10	N2 二級	追加196

移 di	競 cạnh	粉 phấn	結 kết	緯 vĩ
税 thuế	bộ trúc	粗 thô	絞 giảo	縦 tung
程 trình	竹 trúc	粘 niêm	絶 tuyệt	縛 phược
稚 trĩ	笑 tiếu	粒 lạp	統 thống	繁 phồn
穀 cốc	第 đệ	粧 trang	絡 lạc	縫 phùng
穂 tuệ	答 đáp	精 tinh	紳 thân	縮 súc
穏 ổn	筒 đồng	糖 đường	組 tổ	績 tích
積 tích	筆 bút	糧 lương	累 lũy	繊 tiệm
稽 kê	節 tiết	bộ ty/mịch	絵 hội	繭 kiển
稿 cảo	箇 cá	糸 ty	給 cấp	織 chức
種 chủng	笛 địch	系 hệ	継 kế	繕 thiện
稲 đạo	符 phù	紀 kỷ	絹 quyên	繰 tào
稼 giá	筋 cân	級 cấp	続 tục	bộ phẫu
穫 hoạch	策 sách	糾 củ	維 duy	缶 phẫu
bộ huyệt	等 đẳng	紅 hồng	綱 cương	bộ võng
穴 huyệt	管 quản	約 ước	緒 tự	罪 tội
究 cứu	算 toán	納 nạp	総 tổng	署 thự
空 không	箋 tiên	紙 chỉ	綻 trán	置 trí
突 đột	箱 tương	純 thuần	綿 miên	罰 phạt
窃 thiết	箸 trứ	素 tố	網 võng	罵 mạ
窓 song	範 phạm	索 tác	緑 lục	罷 bãi
窒 trất	築 trúc	紛 phân	練 luyện	羅 la
窟 quật	篤 đốc	紡 phưởng	縁 duyên	bộ dương
窮 cùng	簡 giản	紋 văn	緩 hoãn	羊 dương
窯 diêu	簿 bộ	経 kinh	緊 khẩn	美 mỹ
bộ lập	籍 tịch	紺 cam	縄 thằng	羞 tu
立 lập	籠 lung	細 tế	線 tuyến	着 trước
章 chương	bộ mễ	紫 tử	緻 trí	義 nghĩa
童 đồng	米 mễ	終 chung	締 đế	群 quần
端 đoan	粋 túy	紹 thiệu	編 biên	羨 tiễn
N5 四級	N4 三級	N3 11	N2 二級	追加196

bộ vũ	育 dục	腸 trường	舷 huyền	荷 hà
羽 vũ	肩 kiên	腹 phúc	船 thuyền	華 hoa
習 tập	股 cổ	腰 yêu	舶 bạc	萎 uy
翌 dực	肺 phế	膜 mô	艇 đĩnh	菓 quả
翁 ông	肢 chi	膝 tất	艦 hạm	菊 cúc
翼 dực	肥 phì	膚 phu	bộ cấn	菌 khuẩn
翻 phiên	肪 phương	膳 thiện	良 lương	菜 thái
bộ lão	胞 bào	膨 bành	bộ sắc	著 trước
老 lão	胎 thai	臆 ức	色 sắc	葛 cát
考 khảo	胆 đảm	臓 tạng	艶 diễm	葬 táng
者 giả	胸 hung	bộ thần	bộ thảo	葉 diệp
bộ nhi	肯 khẳng	臣 thần	芋 dụ	落 lạc
耐 nại	背 bối	臨 lâm	芝 chi	蓋 cái
bộ lỗi	胃 vị	bộ tự	花 hoa	蒸 chưng
耕 canh	脅 hiếp	自 tự	芸 nghệ	蓄 súc
耗 hao	脇 hiếp	臭 xú	芯 tâm	蔑 miệt
bộ nhĩ	脂 chi	bộ chí	芳 phương	蔵 tàng
耳 nhĩ	脊 tích	至 chí	英 anh	薇 tế
聖 thánh	胴 đồng	致 trí	苛 hà	薫 huân
聞 văn	能 năng	bộ cữu	芽 nha	薪 tân
聴 thính	脈 mạch	臼 cữu	苦 khổ	薦 tiến
職 chức	脚 cước	興 hưng	茎 hành	薄 bạc
bộ duật	脱 thoát	bộ thiệt	若 nhược	薬 dược
粛 túc	脳 não	舌 thiệt	苗 miêu	藤 đằng
bộ nhục	腎 thận	bộ suyễn	茂 mậu	藩 phiên
肉 nhục	脹 trướng	舞 vũ	荒 hoang	藍 lam
肌 cơ	腐 hủ	bộ chu	茨 tỳ	藻 tảo
肝 can	腕 oản	舟 chu	草 thảo	bộ hổ
肖 tiêu	腫 thũng	航 hàng	荘 trang	虎 hổ
肘 trửu	腺 tuyến	般 bang	茶 trà	虐 ngược
N5 四級	N4 三級	N3 12	N2 二級	追加196

虚 hư	袋 đại	角 giác	試 thí	謹 cẩn
虞 ngu	装 trang	解 giải	詳 tường	謙 khiêm
虜 lỗ	裁 tài	触 xúc	誠 thành	講 giảng
bộ trùng	被 bị	bộ ngôn	詮 thuyên	謝 tạ
虫 trùng	裂 liệt	言 ngôn	誉 dự	謄 đằng
虹 hồng	補 bổ	計 kế	話 thoại	謎 mê
蜂 phong	裕 dụ	訂 đính	語 ngữ	警 cảnh
蚊 văn	複 phức	訃 phó	誤 ngộ	識 thức
蛇 xà	褐 hạt	記 ký	誌 chí	譜 phổ
蛍 huỳnh	裾 cư	訓 huấn	誓 thệ	議 nghị
蛮 man	製 chế	詞 từ	説 thuyết	護 hộ
蚕 tàm	裸 khỏa	討 thảo	読 độc	譲 nhượng
蜜 mật	裏 lý	許 hứa	認 nhận	bộ cốc
融 dung	褒 bao	訟 tụng	誘 dụ	谷 cốc
bộ huyết	襟 khâm	設 thiết	謁 yết	bộ đậu
血 huyết	襲 tập	訪 phỏng	課 khóa	豆 đậu
衆 chúng	bộ Á	訳 dịch	諸 chư	豊 phong
bộ hành	西 tây	詠 vịnh	誰 thùy	bộ thỉ
行 hành	要 yêu	詐 trá	請 thỉnh	豚 đồn
術 thuật	覆 phúc	託 thác	諾 nặc	象 tượng
街 nhai	覇 bá	証 chứng	誕 đản	豪 hào
衝 xung	bộ kiến	詔 chiếu	談 đàm	bộ trỉ
衛 vệ	見 kiến	診 chẩn	調 điều	貌 mạo
衡 hành	規 quy	訴 tố	論 luận	bộ bối
bộ y	視 thị	評 bình	諧 hài	貝 bối
衣 y	覚 giác	該 cai	諮 tư	貞 trinh
表 biểu	親 thân	詰 cật	諦 đế	負 phụ
衰 suy	覧 lãm	詣 nghệ	謀 mưu	貢 cống
衷 trung	観 quan	誇 khoa	諭 dụ	財 tài
袖 tụ	bộ giác	詩 thi	謡 dao	貨 hóa
N5 四級	N4 三級	N3 13	N2 二級	追加196

貫 quán	赤 xích	軽 khinh	逃 đào	遭 tao
責 trách	赦 xá	軸 trục	迷 mê	適 thích
貪 tham	bộ tẩu	較 giảo	逝 thệ	遺 di
販 phiến	走 tẩu	載 tải	造 tạo	遵 tuân
貧 bần	赴 phó	輝 huy	速 tốc	選 tuyển
買 mãi	起 khởi	輩 bối	逐 trục	遷 thiên
費 phí	越 việt	輪 luân	通 thông	還 hoàn
貿 mậu	超 siêu	輸 thâu	逓 đệ	避 tỵ
資 tư	趣 thú	轄 hạt	途 đồ	bộ ấp
賊 tặc	bộ túc	bộ tân	透 thấu	那 na
賀 hạ	足 túc	辛 tân	連 liên	邦 bang
貴 quý	距 cự	辞 từ	逸 dật	邪 tà
貸 thải	跡 tích	辣 lạt	週 chu	邸 để
貯 trữ	践 tiễn	bộ thần	進 tiến	郊 giao
貼 thiếp	跳 khiêu	辱 nhục	逮 đãi	郎 lang
賃 nhẫm	路 lộ	農 nông	運 vận	郡 quận
賂 lộ	踊 dũng	bộ xước	過 quá	郭 quách
賄 hối	踪 tung	辺 biên	遇 ngộ	郷 hương
賛 tán	踏 đạp	込 vào	遂 toại	都 đô
賜 tứ	蹴 xúc	迅 tấn	達 đạt	部 bộ
質 chất	躍 dược	近 cận	遅 trì	郵 bưu
賞 thưởng	bộ thân	迎 nghênh	道 đạo	bộ dậu
賠 bồi	身 thân	返 phản	遍 biến	酌 chước
賓 tân	bộ xa	述 thuật	遊 du	酒 tửu
賦 phú	車 xa	迭 điệt	違 vi	酎 trữu
賢 hiền	軌 quỹ	迫 bách	遠 viễn	配 phối
賭 đổ	軍 quân	逆 nghịch	遣 khiển	酔 túy
購 cấu	軒 hiên	送 tống	遡 tố	酢 tạc
贈 tặng	転 chuyển	退 thoái	遜 tốn	酬 thù
bộ xích	軟 nhuyển	追 truy	遮 già	酪 lạc
N5 四級	N4 三級	N3 14	N2 二級	追加196

i

酵 giếu	鋭 nhuệ	閲 duyệt	隙 khích	露 lộ
酷 khốc	鋳 chú	闇 ám	隠 ẩn	bộ thanh
酸 toan	錦 cẩm	闘 đấu	際 tế	青 thanh
醒 tỉnh	錮 cố	bộ phụ	障 chướng	静 tĩnh
醜 xú	鋼 cương	阜 phụ	隣 lân	bộ phi
醸 nhưỡng	錯 thác	阪 phản	bộ đãi	非 phi
bộ biện	錠 đĩnh	防 phòng	隷 lệ	bộ diện
釈 thích	錘 chùy	阻 trở	bộ chuy	面 diện
bộ lý	錬 luyện	附 phụ	隻 chích	bộ cách
里 lý	録 lục	限 hạn	雇 cố	革 cách
重 trọng	鍋 oa	院 viện	集 tập	靴 ngoa
野 dã	鍵 kiện	陥 hãm	雄 hùng	bộ vi
量 lượng	鍛 đoán	降 giáng	雅 nhã	韓 hàn
bộ kim	鎖 tỏa	除 trừ	雌 thư	bộ cữu
金 kim	鎮 trấn	陣 trận	雑 tạp	bộ âm
針 châm	鎌 liêm	陛 bệ	難 nan	音 âm
釜 phủ	鏡 kính	陰 âm	離 ly	韻 vần
釣 điếu	鐘 chung	険 hiểm	bộ vũ	響 hưởng
鈍 độn	鑑 giám	階 giai	雨 vũ	bộ hiệt
鉛 duyên	bộ trường	陶 đào	雪 tuyết	頃 khoảnh
銃 súng	長 trường	陪 bồi	雲 vân	頂 đỉnh
銭 tiền	bộ môn	陸 lục	雰 phân	項 hạng
銑 tiển	門 môn	隆 long	電 điện	須 tu
銅 đồng	閉 bế	陵 lăng	雷 lôi	順 thuận
銘 minh	開 khai	陳 trần	零 linh	頑 ngoan
鉱 khoáng	間 gian	隅 ôi	需 nhu	頓 đốn
鉄 thiết	閑 nhàn	随 tùy	震 chấn	頒 ban
鉢 bát	閣 các	隊 đội	霊 linh	預 dự
鈴 linh	関 quan	陽 dương	霜 sương	領 lãnh
銀 ngân	閥 phiệt	隔 cách	霧 vụ	頬 giáp
N5 四級	N4 三級	N3 15	N2 二級	追加196

頭 đầu	bộ hương	魔 ma	鼓 cổ
頼 lại	香 hương	bộ ngư	bộ thử
題 đề	bộ mã	魚 ngư	bộ tỵ
類 loại	馬 mã	鮮 tiên	鼻 tỵ
願 nguyện	駅 dịch	鯨 kình	bộ tề
顔 nhan	駆 khu	bộ điểu	斉 tề
顕 hiển	駄 đà	鳥 điểu	斎 trai
頻 tần	駒 câu	鳴 minh	bộ xỉ
額 ngạch	駐 trú	鶏 kê	歯 xỉ
顎 ngạc	騎 kỵ	鶴 hạc	齢 linh
顧 cố	験 nghiệm	bộ lỗ	bộ long
bộ phong	騒 tao	bộ lộc	竜 long
風 phong	騰 đằng	鹿 lộc	bộ quy
bộ phi	驚 kinh	麗 lệ	亀 quy
飛 phi	bộ cốt	麓 lộc	bộ dược
bộ thực	骨 cốt	bộ mạch	
食 thực	骸 hài	麦 mạch	
飢 cơ	髄 tủy	麺 miến	
飲 ẩm	bộ cao	bộ ma	
飯 phạn	高 cao	麻 ma	
飼 tự	bộ tiêu	bộ hoàng	
飾 sức	髪 phát	黄 hoàng	
飽 bão	bộ đấu	bộ thử	
餌 nhị	bộ sưởng	bộ hắc	
養 dưỡng	鬱 uất	黒 hắc	
餓 ngạ	bộ cách	黙 mặc	
館 quán	bộ quỷ	bộ chỉ	
餅 bính	鬼 quỷ	bộ mãnh	
bộ thủ	魂 hồn	bộ đỉnh	
首 thủ	魅 mị	bộ cổ	

N5 四級 N4 三級 N3 16 N2 二級 追加196

須頓頬顎餌餅駒骸鬱鶴鹿麓麺亀
酎醒釜錦錮鍋鍵鎌闇阜阪隙韓頃
諧諦謎貌貪貼賂賭踪蹴辣遡遜那
蔑蔽藤藍虎虹蜂蜜袖裾訃詣詮誰
腫腺膝膳臆臼舷艶芯苛茨萎葛蓋
窟箋箸籠綻緻罵羞羨肘股脇脊腎
瑠璃璧瓦畏畿痕瘍痩眉睦瞳瞭稽
汰沃淫湧溺潰煎熊爪采爽牙狙玩
枕柿柵栃桁梗梨椅椎楷毀氾汎沙
拭挨挫捉捗捻摯斑斬旦旺昧曖曽
弄弥彙怨恣惧慄憬憧戚戴拉拳拶
埼堆塞塡奈妖妬媛嫉宛尻崖嵐巾
勃勾匂叱呂呪咽唄哺唾喉喩嗅嘲
串丼乞伎侶俺僅傲岡冥冶凄刹剥